

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
Công ty thành viên của JPA International
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỶ KÊ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM KẾT THÚC NGÀY 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200041908 ngày 19/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/06/2025.

Vốn điều lệ: 182.332.690.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2025: 182.332.690.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại : 0233 3554 133

Email : qtwaco@gmail.com

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Bá Hiếu	Chủ tịch	18/11/2021	
Ông Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch	18/11/2021	
Ông Lê Văn Tư	Thành viên	18/11/2021	
Ông Trần Văn Hợi	Thành viên	18/11/2021	
Ông Lê Thành Ty	Thành viên	16/08/2024	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Lưu	Trưởng ban	25/04/2025	
Ông Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban	28/05/2022	25/04/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Ông Nguyễn Đăng Tú	Thành viên	25/04/2025	
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	28/05/2022	25/04/2025
Ông Quách Mạnh Cường	Thành viên	25/04/2025	

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Thành Ty	Giám đốc	05/09/2024	
Ông Lê Văn Tư	Phó Giám đốc	01/12/2021	
Ông Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc	01/04/2021	
Bà Lê Thị Lưu	Kế toán trưởng	01/10/2022	25/04/2025
Ông Phan Ngọc Linh	Phụ trách kế toán	25/04/2025	20/05/2025
Ông Phan Ngọc Linh	Kế toán trưởng	20/05/2025	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Bá Hiếu, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Cổ phiếu của Công ty đã được hủy giao dịch trên sàn UPCOM kể từ ngày 02/07/2025 theo Quyết định số 708/QĐ-SGDHN ngày 06/06/2025 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngoài ra, theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



LÊ THÀNH TY
Giám đốc

Quảng Trị, ngày 05 tháng 08 năm 2025



Số: 29/2025/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 08 năm 2025, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Huyền Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		127.141.869.364	126.985.436.315
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	16.455.968.152	19.257.017.676
111	1. Tiền		16.455.968.152	19.257.017.676
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		77.616.204.314	75.230.296.862
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	77.616.204.314	75.230.296.862
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.165.008.999	18.416.385.203
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	12.937.528.218	16.253.834.610
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.178.937.658	1.624.096.364
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.472.681.597	962.592.703
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(424.138.474)	(424.138.474)
140	IV. Hàng tồn kho		16.714.512.003	13.956.729.794
141	1. Hàng tồn kho	V.7	16.714.512.003	13.956.729.794
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		190.175.896	125.006.780
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	178.347.892	125.006.780
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		11.828.004	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		167.597.546.826	181.005.207.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		158.702.196.920	172.277.561.629
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	158.090.891.253	171.572.686.100
222	- Nguyên giá		488.936.449.370	486.495.365.603
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(330.845.558.117)	(314.922.679.503)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	611.305.667	704.875.529
228	- Nguyên giá		1.509.554.000	1.509.554.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(898.248.333)	(804.678.471)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.925.394.995	4.315.858.561
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	4.925.394.995	4.315.858.561
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.969.954.911	4.411.787.599
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	3.969.954.911	4.411.787.599
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		294.739.416.190	307.990.644.104

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

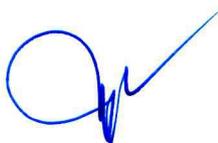
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
1	2	3	4	4
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		74.562.555.393	85.578.201.714
310	I. Nợ ngắn hạn		51.779.706.102	57.957.458.284
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	2.868.467.066	8.293.267.241
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	3.292.681.400	1.269.103.410
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	4.180.761.158	3.266.648.071
314	4. Phải trả người lao động	V.15	10.417.416.462	18.223.937.050
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.731.113.870	1.720.304.077
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	10.641.107.829	9.329.076.915
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	9.385.976.025	9.385.980.634
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	9.262.182.292	6.469.140.886
330	II. Nợ dài hạn		22.782.849.291	27.620.743.430
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	18.240.214.240	22.933.199.595
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.20	4.542.635.051	4.687.543.835
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.176.860.797	222.412.442.390
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	220.176.860.797	222.412.442.390
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		182.332.690.000	182.332.690.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.332.690.000	182.332.690.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		26.191.917.008	20.239.987.540
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.652.253.789	19.839.764.850
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.652.253.789	19.839.764.850
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		294.739.416.190	307.990.644.104

Người lập biểu



PHAN THỊ HỒNG LÊ

Kế toán trưởng



PHAN NGỌC LINH

Giám đốc




LÊ THÀNH TY

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	91.262.907.032	84.827.019.778
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.262.907.032	84.827.019.778
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	57.097.619.758	46.509.483.258
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.165.287.274	38.317.536.520
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.257.353.446	782.583.063
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	1.439.537.282	1.749.939.428
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.439.537.282	1.749.939.428
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	12.329.394.863	10.399.779.490
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	7.105.369.671	6.198.164.135
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.548.338.904	20.752.236.530
31	11. Thu nhập khác	VI.7	118.953.029	821.308.933
32	12. Chi phí khác	VI.8	11.454.690	559.454.911
40	13. Lợi nhuận khác		107.498.339	261.854.022
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.655.837.243	21.014.090.552
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	3.003.583.410	4.253.016.080
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.652.253.833	16.761.074.472
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	543	766
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	543	766

Người lập biểu



PHAN THỊ HỒNG LÊ

Kế toán trưởng



PHAN NGỌC LINH



ngày 05 tháng 08 năm 2025

Giám đốc



LÊ THÀNH TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

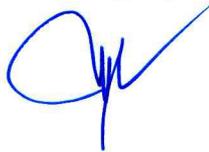
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		84.566.984.840	77.812.812.583
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(26.756.542.666)	(8.077.657.575)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(34.509.425.686)	(26.946.157.806)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.16, VI.4	(1.518.877.134)	(1.738.790.674)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(2.627.497.382)	(426.887.201)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.697.565.259	5.193.252.323
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.450.318.453)	(13.841.618.092)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.401.888.778	31.974.953.558
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.680.114.842)	(1.099.911.777)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(45.621.860.543)	(21.936.082.574)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		43.235.953.091	8.413.151.542
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.131.370.329	949.951.287
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.934.651.965)	(13.672.891.522)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.1	(4.692.990.317)	(2.772.967.765)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.21c	(10.575.296.020)	(8.350.837.102)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.268.286.337)	(11.123.804.867)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(2.801.049.524)	7.178.257.169
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.257.017.676	8.942.020.745
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		16.455.968.152	16.120.277.914

Người lập biểu



PHAN THỊ HỒNG LÊ

Kế toán trưởng



PHAN NGỌC LINH



Quảng Trị, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Giám đốc



LÊ THÀNH TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200041908 ngày 19/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/06/2025.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng 8% so với năm trước chủ yếu đến từ doanh thu của hoạt động xây lắp và hoạt động khác, tuy nhiên giá vốn của hai hoạt động này chiếm tỷ trọng lớn, đồng thời tỷ lệ tăng giá vốn năm nay cao hơn so với năm trước do giá cả nguyên vật liệu tăng. Điều đó làm cho giá vốn năm nay 23% so với năm trước, dẫn đến lãi gộp giảm.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... nào khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Thông tin khái quát về các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị

Địa chỉ

1. XN Nước sạch Đông Hà

Đường Trần Bình Trọng, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|--|---|
| 2. XN Nước sạch Triệu Hải | Số 11 Phan Bội Châu, phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị |
| 3. XN Nước sạch Bến Hải | Số 263 Lê Duẩn, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị |
| 4. XN Nước sạch Đường 9 | Khối 3B, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị |
| 5. XN Xây lắp | Thôn Phò Lại, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị |
| 6. Trung tâm kiểm định đồng hồ và chống thất thoát | Số 02 Nguyễn Trãi, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị |

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 280 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 265 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Số tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Các chi phí trả trước khác

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Các khoản chi phí phải trả khác: chi phí phải trả được xác định dựa vào các hợp đồng ký kết trên cơ sở thực tế chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu lắp đặt, xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Tiền mặt	69.397.027	68.238.742
Tiền gửi ngân hàng	16.386.571.125	19.188.778.934
Cộng	<u>16.455.968.152</u>	<u>19.257.017.676</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng				
- Ngân hàng NNN&PTNN Việt Nam - CN Quảng Trị	17.852.097.300	17.852.097.300	17.623.018.600	17.623.018.600
- Ngân hàng BIDV - CN Quảng Trị	17.643.120.713	17.643.120.713	20.520.415.217	20.520.415.217
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Trị	42.120.986.301	42.120.986.301	37.086.863.045	37.086.863.045
Cộng	77.616.204.314	77.616.204.314	75.230.296.862	75.230.296.862

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025	01/01/2025
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	12.937.528.218	16.253.834.610
Công nợ tiền nước	11.015.515.514	7.091.684.307
Các đối tượng khác	1.922.012.704	9.162.150.303
Cộng	12.937.528.218	16.253.834.610

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	2.178.937.658	1.624.096.364
Công ty CP Tổng hợp Sỹ An	720.506.000	530.446.700
Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị	260.746.000	291.322.400
Các đối tượng khác	1.197.685.658	802.327.264
Cộng	2.178.937.658	1.624.096.364

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	1.472.681.597	-	962.592.703	-
Tạm ứng CBCNV	447.056.049	-	223.481.448	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	3.782.469	-	33.659.393	-
Ban QLDA Đầu tư phát triển Cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận	174.801.419	-	174.801.419	-
Lãi dự thu	635.428.873	-	509.445.756	-
Các khoản phải thu khác	211.612.787	-	21.204.687	-
Cộng	1.472.681.597	-	962.592.703	-

6. Nợ xấu

	30/06/2025			01/01/2025		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng						
Các công trình thuộc dự án UnHabitat	>3 năm	76.048.000	-	>3 năm	76.048.000	-
Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu (đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến Hoàng Thị Ái)	1-2 năm	118.840.000	35.652.000	1-2 năm	118.840.000	35.652.000
Các đối tượng khác	>3 năm	38.111.402	-	>3 năm	38.111.402	-
Các đối tượng khác	2-3 năm	21.741.000	6.522.300	2-3 năm	21.741.000	6.522.300
Trả trước cho người bán						
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	> 3 năm	211.572.372	-	>3 năm	211.572.372	-
Phải thu khác						
Ban QLDA Đầu tư Phát triển Cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận (Trực thuộc Công ty)	> 3 năm	174.801.419	174.801.419	>3 năm	174.801.419	174.801.419
Cộng		641.114.193	216.975.719		641.114.193	216.975.719

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	424.138.474	213.331.700
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	424.138.474	213.331.700

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.209.024.252	-	12.256.920.006	-
Công cụ, dụng cụ	1.450.000	-	1.450.000	-
Chi phí SXKD dở dang	3.504.037.751	-	1.698.359.788	-
Cộng	16.714.512.003	-	13.956.729.794	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là giá trị của các công trình xây lắp, lắp đặt hệ thống cấp nước.

Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thu tại ngày 30/06/2025.

Công ty không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay và nợ tại ngày 30/06/2025.

8. Chi phí trả trước

8.a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ dụng cụ	167.921.174	118.845.344
Chi phí sửa chữa TSCĐ	10.426.718	6.161.436
Cộng	178.347.892	125.006.780

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số dư đầu năm	125.006.780	586.032.760
Tăng trong kỳ	322.741.406	302.497.471
Phân bổ trong kỳ	(269.400.294)	(728.294.451)
Số dư cuối kỳ	178.347.892	160.235.780

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8.b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.372.742.605	2.425.764.469
Chi phí sửa chữa tài sản	2.528.956.749	1.842.629.175
Các khoản chi phí trả trước khác	68.255.557	143.393.955
Cộng	<u>3.969.954.911</u>	<u>4.411.787.599</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số dư đầu năm	4.411.787.599	5.653.483.312
Tăng trong kỳ	1.289.621.791	1.349.959.884
Phân bổ trong kỳ	(1.731.454.479)	(1.702.238.496)
Số dư cuối kỳ	<u>3.969.954.911</u>	<u>5.301.204.700</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	126.345.936.090	44.697.195.903	313.036.858.911	2.415.374.699	486.495.365.603
Tăng trong kỳ, trong đó:					-
Mua sắm trong kỳ	-	40.555.556	-	35.409.090	75.964.646
Đ/tư XD/CB h/thành	-	-	2.365.119.121	-	2.365.119.121
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>126.345.936.090</u>	<u>44.737.751.459</u>	<u>315.401.978.032</u>	<u>2.450.783.789</u>	<u>488.936.449.370</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	72.686.123.833	31.944.985.965	209.565.674.239	725.895.466	314.922.679.503
Khấu hao trong kỳ	4.215.497.147	1.340.112.029	10.145.493.113	221.776.325	15.922.878.614
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>76.901.620.980</u>	<u>33.285.097.994</u>	<u>219.711.167.352</u>	<u>947.671.791</u>	<u>330.845.558.117</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.659.812.257	12.752.209.938	103.471.184.672	1.689.479.233	171.572.686.100
Số cuối kỳ	<u>49.444.315.110</u>	<u>11.452.653.465</u>	<u>95.690.810.680</u>	<u>1.503.111.998</u>	<u>158.090.891.253</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 96.107.473.674 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 51.717.413.775 đồng. (Xem thuyết minh số V.18).
- Công ty không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 30/06/2025.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.509.554.000	1.509.554.000
Tăng trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	1.509.554.000	1.509.554.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	804.678.471	804.678.471
Khấu hao trong kỳ	93.569.862	93.569.862
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	898.248.333	898.248.333
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	704.875.529	704.875.529
Số cuối kỳ	611.305.667	611.305.667

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 531.000.000 đồng.
- Công ty không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 30/06/2025.
- Công ty không có TSCĐ vô hình chờ thanh lý tại thời điểm 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang TSCĐ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	4.315.858.561	3.845.737.225	2.365.119.121	871.081.670	4.925.394.995
- Công trình hoàn thiện đầu nổi hộ khách hàng xã Hải Hưng - Hải Quy	1.059.260.377	205.232.400	-	-	1.264.492.777
- Công trình Đầu tư nâng cấp nhà máy nước Hải Lăng từ 3.200 lên 7.500M3/ngày	857.293.607	4.580.797	-	18.222.142	843.652.262
- Công trình ĐTXD tuyến ống cấp nguồn nước sạch cho 8 xã phía Đông Bắc Triệu Phong; Hoàn thiện mạng lưới cấp nước và đầu nổi khách hàng 02 xã Triệu An, Triệu Thành	538.168.333	316.330.856	-	-	854.499.189
- Công trình Đầu tư tuyến ống cấp nước Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang - đợt 1	-	569.468.286	-	-	569.468.286
- Các công trình khác	1.861.136.244	2.750.124.886	2.365.119.121	852.859.528	1.393.282.481
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-
Cộng	4.315.858.561	3.845.737.225	2.365.119.121	871.081.670	4.925.394.995

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán là các đối tượng khác	2.868.467.066	8.293.267.241
Công ty TNHH Thương mại và Chuyển giao Công nghệ Á Châu	673.583.037	2.065.554.828
Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị	571.342.098	517.750.000
Công ty TNHH công nghệ thông tin Véc Tơ	344.500.000	344.500.000
Các đối tượng khác	1.279.041.931	5.365.462.413
Cộng	2.868.467.066	8.293.267.241

Trong đó, số quá hạn thanh toán là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	3.292.681.400	1.269.103.410
Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang	900.000.000	-
Ủy Ban nhân dân xã Cam Thủy	371.500.000	175.000.000
Ban Quản lý Bảo trì Giao thông - Sở Xây dựng	362.987.000	-
Ban QLDA Sở Giao thông tỉnh Quảng Trị	362.521.000	362.521.000
Các đối tượng khác	1.295.673.400	731.582.410
Cộng	<u>3.292.681.400</u>	<u>1.269.103.410</u>

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>30/06/2025</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế giá trị gia tăng	403.071.213	-	2.416.699.739	2.345.003.709	474.767.243	-
Thuế TNDN	1.627.497.382	-	3.003.583.410	2.627.497.382	2.003.583.410	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.943.749	-	199.135.003	225.906.756	-	11.828.004
Thuế tài nguyên	25.396.740	-	531.816.310	461.037.310	96.175.740	-
Phí bảo vệ môi trường	1.002.545.477	-	7.238.384.631	6.864.637.778	1.376.292.330	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	193.193.510	-	625.639.064	588.890.139	229.942.435	-
Cộng	<u>3.266.648.071</u>	<u>-</u>	<u>14.015.258.157</u>	<u>13.112.973.074</u>	<u>4.180.761.158</u>	<u>11.828.004</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động cung cấp nước sạch là 5%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.655.837.243	21.014.090.552
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác	362.079.807	189.006.022
- Các khoản điều chỉnh tăng	362.079.807	189.006.022
+ Các khoản chi phí không hợp lý	362.079.807	189.006.022
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	15.017.917.050	21.203.096.574
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.003.583.410	4.240.619.314
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		12.396.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.003.583.410	4.253.016.080

Các loại thuế khác và lệ phí

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền lương phải trả	10.417.416.462	18.223.937.050
Cộng	10.417.416.462	18.223.937.050

Tiền lương được tính trên cơ sở đơn giá tiền lương, quỹ lương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí phải trả là các bên liên quan	-	-
Chi phí phải trả là các đối tượng khác	1.731.113.870	1.720.304.077
Trích trước chi phí lãi vay	547.853.966	627.193.818
Trích trước chi phí tiền ăn ca	142.367.482	198.792.354
Trích trước chi phí tiền điện	1.013.892.422	762.817.905
Trích trước chi phí phải trả khác	27.000.000	131.500.000
Cộng	1.731.113.870	1.720.304.077

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Phải trả khác là các bên liên quan	-	-
Phải trả khác là các đối tượng khác	10.641.107.829	9.329.076.915
Kinh phí công đoàn, BHXH	224.746.170	196.624.707
Nhận ký cược, ký quỹ	1.102.350.742	973.725.372
Phải trả khác về kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB	4.127.657.000	3.255.426.000
Quỹ quay vòng dự án Un-Habitat	4.842.400.000	4.649.000.000
Các khoản phải trả khác	343.953.917	254.300.836
Cộng	<u>10.641.107.829</u>	<u>9.329.076.915</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.385.980.634	-	4.692.990.317	4.692.985.708	9.385.976.025
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.545.935.530	-	2.772.967.765	2.772.963.156	5.545.930.921
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	3.840.045.104	-	1.920.022.552	1.920.022.552	3.840.045.104
Cộng	<u>9.385.980.634</u>	<u>-</u>	<u>4.692.990.317</u>	<u>4.692.985.708</u>	<u>9.385.976.025</u>

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	22.933.199.595	-	-	4.692.985.355	18.240.214.240
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.772.962.803	-	-	2.772.962.803	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	20.160.236.792	-	-	1.920.022.552	18.240.214.240
Cộng	<u>22.933.199.595</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.692.985.355</u>	<u>18.240.214.240</u>

(1) Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) theo Hiệp định vay số 1514 VIE (SF) ký ngày 10/06/1997 giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á để tài trợ cho Dự án thứ hai nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh thành phố, thị xã. Theo hiệp định vay phụ ký ngày 28/08/1997 và phụ lục sửa đổi hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008; tổng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

số tiền vay là 83.189.032.943 đồng, được hoàn trả cho Bộ tài chính theo lịch chi tiết đính kèm phụ lục sửa đổi; Lãi suất vay là 5%/năm; Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày trả nợ đầu tiên.

(2) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng theo hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HDTD/790500020588 ngày 13/10/2022; Mục đích vay để đầu tư dự án “Công trình cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tân Lương công suất từ 15.000 m³/ngày-đêm đến 28.000 m³/ngày-đêm”; Tổng số tiền vay tối đa là 30.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 8 năm; Lãi suất vay cố định 7,9%/năm trong 3 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, hết thời hạn cố định lãi suất đã nêu, lãi suất điều chỉnh sẽ được áp dụng tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, và áp dụng theo công thức: Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân tại 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng (+) biên độ 1,5%/năm và điều chỉnh 3 tháng 1 lần cho đến hết thời hạn cho vay. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản bao gồm bể nước, máy móc trang thiết bị, vật tư, các hạng mục hạ tầng phụ trợ... hình thành từ dự án, có giá trị tối thiểu 73.934.000.000 đồng. (Xem thuyết minh số V.9).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.655.811.171	1.573.456.218	406.000.000	3.823.267.389
Quỹ phúc lợi	3.559.696.959	1.656.269.703	113.498.000	5.102.468.662
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	253.632.756	82.813.485	-	336.446.241
Cộng	<u>6.469.140.886</u>	<u>3.312.539.406</u>	<u>519.498.000</u>	<u>9.262.182.292</u>

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</u>	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</u>	<u>Cộng</u>
Số dư tại ngày 01/01/2025	3.438.637.550	1.248.906.285	4.687.543.835
Trích lập quỹ	-	-	-
Đầu tư mua sắm TSCĐ	-	-	-
Khấu hao TSCĐ	-	144.908.784	144.908.784
Số dư tại ngày 30/06/2025	3.438.637.550	1.103.997.501	4.542.635.051

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	182.332.690.000	15.228.159.900	16.742.074.932	214.302.924.832
Tăng trong kỳ	-	-	16.761.074.472	16.761.074.472
Trích lập các quỹ	-	5.011.827.640	(8.391.237.874)	(3.379.410.234)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(8.350.837.102)	(8.350.837.102)
Số dư tại ngày 30/06/2024	182.332.690.000	20.239.987.540	16.761.074.428	219.333.751.968
Số dư tại ngày 01/01/2025	182.332.690.000	20.239.987.540	19.839.764.850	222.412.442.390
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	11.652.253.833	11.652.253.833
Trích lập các quỹ	-	5.951.929.468	(9.264.468.874)	(3.312.539.406)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(10.575.296.020)	(10.575.296.020)
Số dư tại ngày 30/06/2025	182.332.690.000	26.191.917.008	11.652.253.789	220.176.860.797

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
UBND tỉnh Quảng Trị	51,00%	92.989.670.000	51,00%	92.989.670.000
Ông Ngô Ngọc Tùng	24,05%	43.860.000.000	24,05%	43.860.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,95%	45.483.020.000	24,95%	45.483.020.000
Cộng	100,00%	182.332.690.000	100,00%	182.332.690.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	182.332.690.000	182.332.690.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	182.332.690.000	182.332.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.575.296.020	8.350.837.102

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.233.269	18.233.269
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu thường	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu thường	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận năm 2024 được thực hiện theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2024 được phân phối trích lập quỹ đầu tư và phát triển 30%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành số tiền 3.312.539.406 đồng, chia cổ tức cho các cổ đông số tiền 10.575.296.020 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: đồng)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu hoạt động cung cấp nước sạch	81.872.813.600	80.595.314.900
Doanh thu hoạt động xây lắp, lắp đặt	8.434.095.362	4.172.425.025
Doanh thu hoạt động khác	955.998.070	59.279.853
Cộng	<u>91.262.907.032</u>	<u>84.827.019.778</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Giá vốn hoạt động cung cấp nước sạch	48.822.393.226	42.964.483.404
Giá vốn hoạt động xây lắp, lắp đặt	7.466.485.380	3.487.785.851
Giá vốn hoạt động khác	808.741.152	57.214.003
Cộng	57.097.619.758	46.509.483.258

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.257.353.446	782.583.063
Cộng	1.257.353.446	782.583.063

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí lãi vay	1.439.537.282	1.749.939.428
Cộng	1.439.537.282	1.749.939.428

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí cho nhân viên	6.922.566.752	6.683.572.294
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ	4.650.240.332	3.127.325.828
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.352.666	5.352.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.778.406	90.912.762
Chi phí bằng tiền khác	661.456.707	492.615.940
Cộng	12.329.394.863	10.399.779.490

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nhân viên quản lý	3.782.705.515	3.421.982.260
Chi phí đồ dùng văn phòng	584.766.619	810.011.149
Chi phí khấu hao TSCĐ	444.611.650	362.183.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.113.287	123.690.741
Chi phí bằng tiền khác	1.759.172.600	1.480.296.490
Cộng	<u>7.105.369.671</u>	<u>6.198.164.135</u>

7. Thu nhập khác

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Xử lý công nợ	60.883.225	-
Phí BVMT được giữ lại	-	761.287.510
Các khoản thu nhập khác	58.069.804	60.021.423
Cộng	<u>118.953.029</u>	<u>821.308.933</u>

8. Chi phí khác

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp	5.170.807	189.007.770
Chi các khoản liên quan phí BVMT được giữ lại	-	342.430.800
Chi phí khác	6.283.883	28.016.341
Cộng	<u>11.454.690</u>	<u>559.454.911</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.652.253.833	16.761.074.472
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.747.606.692)	(2.798.506.937)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.747.606.692)	(2.798.506.937)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.904.647.141	13.962.567.535
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	18.233.269	18.233.269
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	543	766

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025, Công ty dự kiến trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 15% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được trình bày lại là 766 đồng/CP do điều chỉnh khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Số trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 là 827 đồng/CP.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.233.269	18.233.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	18.233.269	18.233.269

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.904.647.141	13.962.567.535
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.904.647.141	13.962.567.535
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.233.269	18.233.269
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	543	766

(*) Xem thuyết minh số VI.09.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ	21.670.667.008	19.296.903.630
Chi phí nhân công	32.772.412.907	28.981.703.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.871.539.692	11.725.473.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.568.765.997	603.940.496
Chi phí khác	6.454.676.651	5.108.524.005
Cộng	78.338.062.255	65.716.545.636

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: đồng)

1. Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tiền trả nợ gốc vay theo các kế ước thông thường	4.692.990.317	2.772.967.765
Cộng	4.692.990.317	2.772.967.765

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ này		
			Lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	398.125.626	5.394.000	403.519.626
2	Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	367.146.013	2.543.880.000	2.911.026.013
3	Lê Thành Ty	Giám đốc, Thành viên HĐQT	395.684.522	3.886.000	399.570.522
4	Lê Văn Tư	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	305.259.634	5.278.000	310.537.634
5	Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	385.723.491	4.118.000	389.841.491
6	Lê Thị Lưu	Kế toán trưởng Trưởng ban kiểm soát	332.535.940	3.480.000	336.015.940
7	Phan Ngọc Linh	Kế toán trưởng	51.550.801	1.160.000	52.710.801
8	Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	273.269.388	-	273.269.388
	Tổng cộng		2.509.295.415	2.567.196.000	5.076.491.415

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ trước		
			Lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	327.026.692	4.259.400	331.286.092
2	Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	303.284.301	2.008.788.000	2.312.072.301
3	Nguyễn Hà Hải	Giám đốc, thành viên HĐQT	291.408.484	-	291.408.484
4	Lê Văn Tư	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	229.352.700	4.167.800	233.520.500
5	Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	278.074.400	3.251.800	281.326.200
6	Lê Thành Ty	Phó Giám đốc	284.920.810	3.068.600	287.989.410
7	Lê Thị Lưu	Kế toán trưởng	258.209.108	2.748.000	260.957.108
8	Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	264.073.595	-	264.073.595
	Tổng cộng		2.236.350.090	2.026.283.600	4.532.481.021

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác.

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, xây lắp, lắp đặt và hoạt động khác.

	Cung cấp nước sạch Xây lắp, lắp đặt		Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên	81.872.813.600	8.434.095.362	955.998.070		91.262.907.032
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.872.813.600	8.434.095.362	955.998.070	-	91.262.907.032
Giá vốn bộ phận	48.822.393.226	7.466.485.380	808.741.152	-	57.097.619.758
Lợi nhuận gộp bộ phận	33.050.420.374	967.609.982	147.256.918	-	34.165.287.274
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	80.595.314.900	4.172.425.025	59.279.853	-	84.827.019.778
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.595.314.900	4.172.425.025	59.279.853	-	84.827.019.778
Giá vốn bộ phận	42.964.483.404	3.487.785.851	57.214.003	-	46.509.483.258
Lợi nhuận gộp bộ phận	37.630.831.496	684.639.174	2.065.850	-	38.317.536.520

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Cổ phiếu của Công ty đã được hủy giao dịch trên sàn UPCOM kể từ ngày 02/07/2025 theo Quyết định số 708/QĐ-SGDHN ngày 06/06/2025 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Quảng Trị, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

PHAN THỊ HỒNG LÊ

Kế toán trưởng

PHAN NGỌC LINH

Giám đốc



LÊ THÀNH TY



